

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VINH PHÚC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN VINH PHÚC

ĐỀ THI KSCL THPT QUỐC GIA LẦN 3

NĂM HỌC 2016 – 2017

MÔN ĐỊA LÍ 12

Thời gian làm bài: 50 phút

(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi 545

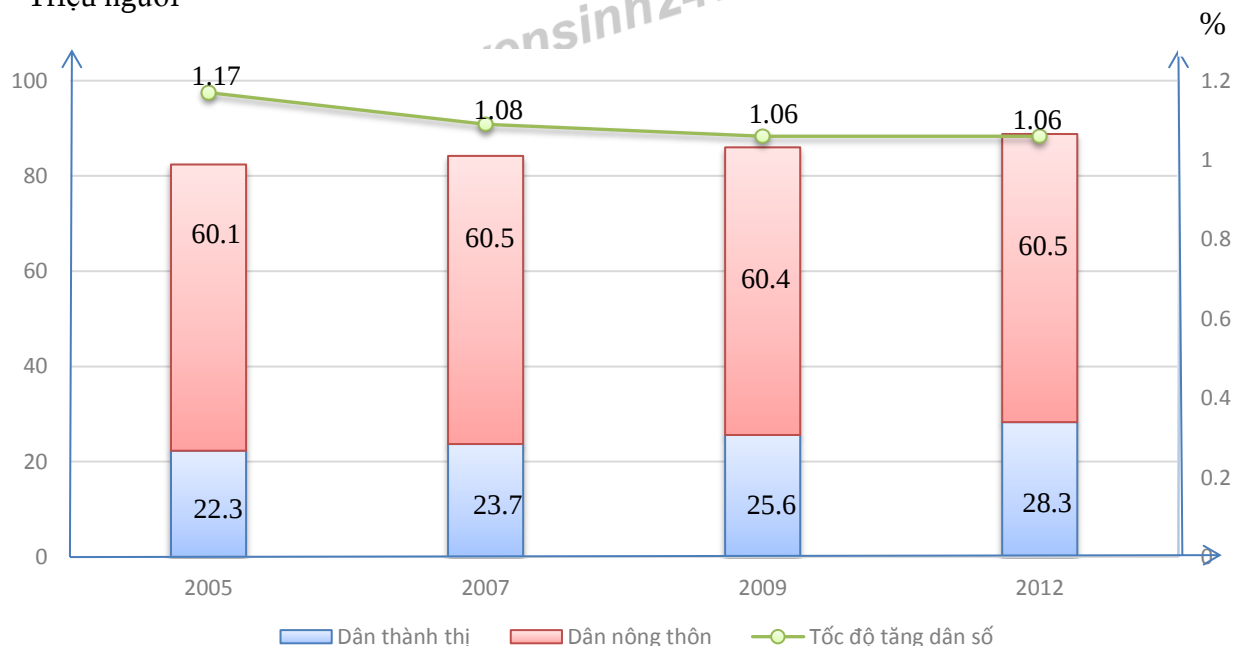
Câu 1. Tỷ trọng khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng tăng nhanh trong cơ cấu kinh tế không thể hiện:

- A. nước ta đã tận dụng nguồn lực ngoài nước có hiệu quả
- B. khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng nhất
- C. nước ta đã hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới và khu vực
- D. nền kinh tế nước ta ngày càng phụ thuộc vào nước ngoài lớn

Câu 2. Cho biểu đồ sau:

TỔNG SỐ DÂN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 – 2012

Triệu người



Nhận xét nào không đúng với biểu đồ trên:

- A. Tổng số dân Việt Nam tăng
- B. Dân thành thị tăng nhanh và liên tục
- C. Dân số nông thôn ít biến động

D. Tốc độ tăng dân số tăng

Câu 3. Sự đa dạng sinh học ở nước ta được thể hiện ở:

A. số lượng loài có nguy cơ tuyệt chủng

B. sự suy giảm về độ che phủ rừng

C. số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm

D. sự suy giảm về số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và nguồn gen quý hiếm

Câu 4. Một nền kinh tế tăng trưởng bền vững cần có

A. nhịp độ phát triển kinh tế cao

B. nhịp độ phát triển kinh tế cao, cơ cấu kinh tế hợp lý giữa các ngành, các thành phần kinh tế và vùng lãnh thổ

C. cơ cấu kinh tế theo ngành có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá

D. nhịp độ phát triển kinh tế cao, tăng cường đầu tư vốn, lao động, tài nguyên trong quá trình sản xuất

Câu 5. Ở suốt dải miền Trung, lũ quét xảy ra nhiều nhất vào khoảng thời gian nào

A. Tháng VI – X

B. Tháng V – X

C. Tháng IX

D. Tháng X – XII

Câu 6. Thành tựu nào sau đây không phải là thành tựu của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá

A. tăng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng và dịch vụ, giảm tỉ trọng khu vực nông nghiệp

B. tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa ổn định

C. những vùng sâu vùng xa, vùng núi và biên giới, hải đảo cũng được ưu tiên phát triển.

D. Các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành

Câu 7. Đối với ngành chăn nuôi, khó khăn lớn nhất nào sau đây đã được khắc phục?

A. Dịch bệnh tràn lan trên diện rộng

B. Thị trường đầu ra bấp bênh

C. Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi hạn chế

D. Giống gia súc, gia cầm cho năng suất thấp

Câu 8. Thời kì diễn ra hiện tượng bùng nổ dân số nước ta là:

A. nửa cuối thế kỉ XX

B. nửa đầu thế kỉ XX

C. thời kì từ 1989 – 1999

C. từ sau năm 2000

Câu 9. Biện pháp chủ yếu để bảo vệ tài nguyên ở miền núi là:

A. quản lí chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp

B. canh tác hợp lí, chống bạc màu, glay,...

C. chống ô nhiễm đất

D. áp dụng tổng hợp các biện pháp thủy lợi, canh tác

Câu 10. Nguyên nhân dẫn đến sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Bộ là do:

A. cấu trúc địa hình giữa hai vùng có sự bất đối xứng

B. hoạt động của các loại gió mùa

C. hướng địa hình kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới

D. hướng địa hình kết hợp với hướng gió

Câu 11. Trên vùng biển, hệ tọa độ địa lí nước ta kéo dài tới

A. $6^{\circ}50'B$; $101^{\circ}Đ - 117^{\circ}20'Đ$

B. $8^{\circ}34'B$; $101^{\circ}Đ - 109^{\circ}24'Đ$

C. $6^{\circ}50'B$; $101^{\circ}Đ - 109^{\circ}24'Đ$

D. $23^{\circ}23'B$; $101^{\circ}Đ - 109^{\circ}24'Đ$

Câu 12. Nguyên nhân chủ yếu làm cơ cấu lao động theo các ngành kinh tế nước ta đang có sự thay đổi mạnh mẽ là do

A. tác động của cuộc cách mạng khoa học kĩ thuật và quá trình đổi mới

B. tác động của quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới và khu vực

C. tác động của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài

D. tác động của quá trình di dân từ nông thôn lên đô thị

Câu 13. Dải đồi trung du nước ta thu hẹp ở khu vực

A. vùng núi Đông Bắc

B. Đông Nam Bộ

C. rìa phía Bắc và phía Tây Đồng Bằng sông Hồng

D. rìa đồng bằng ven biển miền Trung

Câu 14. Sự chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế không dẫn đến

A. sự phát triển đồng đều của các vùng kinh tế trong nước

- B. sự hình thành các vùng kinh tế trọng điểm
- C. sự phân hoá sản xuất giữa các vùng trong cả nước
- D. sự hình thành các vùng chuyên canh, các khu công nghiệp tập trung

Câu 15. Đặc điểm nào sau đây không phải là biểu hiện của cấu trúc đa dạng của địa hình nước ta

- A. Địa hình mang tính phân bậc rõ ràng
- B. Địa hình cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại
- C. Địa hình gồm hai hướng chính: hướng tây bắc – đông nam và hướng vòng cung
- D. Địa hình đồng bằng và đồi núi thấp (dưới 1000m) chiếm 85% diện tích

Câu 16. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết vùng kinh tế nào có GDP bình quân tính theo đầu người cao nhất?

- A. Vùng Đông Nam Bộ
- B. Vùng đồng bằng sông Hồng
- C. Vùng đồng bằng sông Cửu Long
- D. Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

Câu 17. Nghề cá đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu kinh tế các tỉnh thuộc vùng

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đông Nam Bộ
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 18. Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết vùng khí hậu nào sau đây có mùa mưa lệch so với cả nước

- A. Tây Nguyên
- B. Đông Bắc Bộ
- C. Nam Bộ
- D. Nam Trung Bộ

Câu 19. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc nên

- A. có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú
- B. có nền nhiệt độ cao
- C. khí hậu bốn mùa rõ rệt
- D. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Câu 20. Năm 2005, vùng nào sau đây có sản lượng nuôi cá nhiều nhất

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đông Nam Bộ

C. Đồng bằng sông Hồng

D. Bắc Trung Bộ

Câu 21. Điều kiện nào không phải là điều kiện thuận lợi cho phát triển ngành khai thác thủy sản nước ta

- A. dọc bờ biển có nhiều bãi triều, đầm phá, các cánh rừng ngập mặn
- B. các phương tiện, tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn
- C. đường bờ biển dài 3260km và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn
- D. nước ta có nhiều ngư trường lớn

Câu 22. Phát biểu nào sau đây không đúng với vấn đề việc làm hiện nay ở nước ta

- A. việc làm là vấn đề kinh tế - xã hội lớn ở nước ta hiện nay
- B. sự đa dạng hoá các thành phần kinh tế đã tạo ra nhiều việc làm mới
- C. tỉ lệ thiếu việc làm ở thành thị và thất nghiệp ở nông thôn còn cao
- D. Nhiều biện pháp giải quyết việc làm đang được tiến hành có hiệu quả.

Câu 23. Vì sao ngành nuôi trồng thủy hải sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất và giá trị sản lượng thủy sản

- A. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng
- B. Có nhiều ưu thế hơn ngành khai thác
- C. không chịu tác động của thiên tai
- D. không chịu tác động bởi sự suy thoái tài nguyên và ô nhiễm môi trường

Câu 24. Vùng có trình độ đô thị hoá cao nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Đông Nam Bộ
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đồng bằng sông Hồng

Câu 25. Cây rau đậu tập trung ở những vùng ven các thành phố lớn chủ yếu do

- A. có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển rau đậu
- B. nhu cầu của thị trường lớn
- C. có ngành công nghiệp chế biến thực phẩm phát triển mạnh
- D. chính sách hình thành vành đai rau xanh ven thành phố

Câu 26. Vì sao chống bão luôn phải kết hợp với chống lụt, chống úng ở đồng bằng và chống xói mòn ở miền núi

- A. bão thường kèm theo sóng lừng
- B. bão thường gây ngập mặn cho các vùng ven biển
- C. bão thường kèm theo mưa lớn

D. bão tàn phá cả những công trình trong thời gian ngắn, mực nước biển dâng cao

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 20, hãy cho biết sản lượng khai thác thủy sản năm 2007 tập trung ở khu vực nào:

- A. Đồng bằng sông Cửu Long B. Duyên hải miền Trung
C. Đồng bằng sông Hồng D. Các tỉnh duyên hải ven biển nước ta

Câu 28. Thiên nhiên nước ta phân hoá theo chiều Bắc – Nam thể hiện rõ nhất ở nước ta là do

- A. hướng địa hình kết hợp với hướng gió
B. lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam
C. lãnh thổ kéo dài theo chiều Bắc - Nam, càng xuống phía Nam gió mùa Đông Bắc càng suy giảm
D. sự suy giảm của khối khí lạnh phương Bắc xuống phía Nam

Câu 29. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm nước ta là:

- A. rừng thưa khô rụng lá
B. rừng nhiệt đới rụng lá theo mùa
C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh
D. rừng gió mùa thường xanh

Câu 30. Biểu hiện nào sau đây cho thấy cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi theo hướng già hoá

- A. Tỷ lệ trẻ em giảm, tỷ lệ người già tăng
B. Tỷ lệ trẻ em còn cao, tỷ lệ người già thấp
C. Tỷ lệ người có độ tuổi lao động gấp đôi tỷ lệ người ngoài độ tuổi lao động
D. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động ngày càng tăng

Câu 31. Cho bảng số liệu:

GDP NƯỚC TA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NĂM 2000 VÀ NĂM 2014

(Đơn vị: tỉ đồng)

Năm	Nông – lâm - thủy sản	Công nghiệp – xây dựng	Dịch vụ
2000	108 356	162 220	171 070
2014	696 969	1 307 935	1 537 197

Để vẽ biểu đồ tròn thể hiện quy mô và cơ cấu GDP nước ta phân theo khu vực kinh tế năm 2000 và năm 2014 thì bán kính đường tròn năm 2014 gấp bao nhiêu lần bán kính đường tròn năm 2000

- A. 2,5 lần B. 1,7 lần C. 2,0 lần D. 2,8 lần

Câu 32. Khó khăn nào không phải là khó khăn lớn nhất của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ nước ta

- A. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô
B. sự thất thường của nhịp điệu mùa khí hậu, của dòng chảy sông ngòi và tính không ổn định của thời tiết
C. ngập lụt trên diện rộng ở đồng Bằng
D. xói mòn và rửa trôi đất ở vùng đồi núi

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, hãy cho biết đâu không phải mỏ khí tự nhiên của nước ta

- A. Tiền Hải B. Lan Đỏ C. Đại Hùng D. Lan Tây

Câu 34. Cho bảng số liệu

SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 – 2014

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
1995	1584	1195	389
2000	2251	1661	590
2005	3467	1988	1479
2014	6333	2920	3413

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta giai đoạn 1995 – 2014 là loại biểu đồ:

- A. tròn B. miền C. đường D. cột

Câu 35. Khu vực nào có mùa khô kéo dài, sâu sắc nhất nước ta

- A. vùng ven biển cực Nam Trung Bộ
B. đồng bằng Nam Bộ
C. Tây Nguyên
D. Ở miền Bắc, dọc các thung lũng khuất gió như Yên Châu, Lục Ngạn

Câu 36. Căn cứ vào Atlas địa lí trang 15, hãy cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số trên 1 000 000 người?

A. Hải Dương

B. Đà Nẵng

C. Hải Phòng

D. Cần Thơ

Câu 37. Biển Đông ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đến thành phần tự nhiên nào nước ta

A. Sông ngòi

B. Khí hậu

C. Địa hình

D. Sinh vật

Câu 38. Đây là đặc trưng cơ bản nhất của nền công nghiệp nước ta

A. Nền công nghiệp nhiệt đới

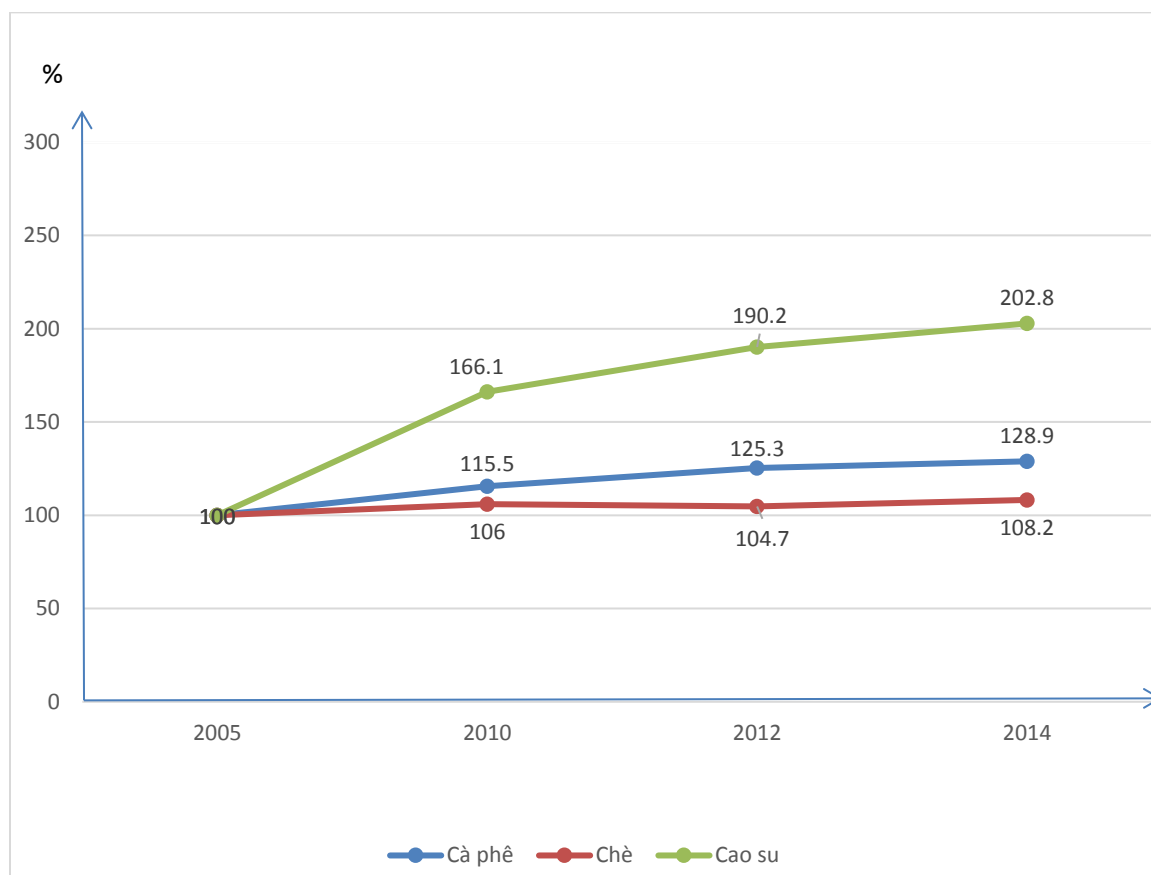
B. Sản phẩm nông nghiệp đa dạng

C. Nền công nghiệp đang được hiện đại hoá và cơ giới hoá cao

D. Tồn tại song song nền công nghiệp cổ truyền và nền công nghiệp hàng hoá

Câu 39. Cho biểu đồ sau:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DIỆN TÍCH MỘT SỐ SẢN PHẨM CÂY CÔNG NGHIỆP
NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2014



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên:

A. Cơ cấu diện tích cây cao su tăng nhanh nhất

B. Cơ cấu diện tích cây cà phê tăng chậm nhất

- C. Tốc độ tăng trưởng diện tích của một số cây công nghiệp lâu năm nước ta trong giai đoạn 2005 – 2014 đều tăng
- D. Cơ cấu diện tích một số cây công lâu năm nước ta trong giai đoạn 2005 – 2014 không đồng đều

Câu 40. Cho bảng số liệu sau

DÂN SỐ, SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 – 2011

Năm	1995	1999	2005	2011
Số dân (nghìn người)	71.995	76.596	83.120	87.840
Sản lượng lương thực có hạt (nghìn tấn)	26.142	33.150	39.622	47.235

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên

- A. Dân số nước ta liên tục tăng lên trong giai đoạn 1995 – 2011
- B. Sản lượng lương thực có hạt nước ta liên tục tăng trong giai đoạn 1995 – 2011
- C. Bình quân lương thực theo đầu người nước ta liên tục tăng lên trong giai đoạn 1995 – 2011
- D. Bình quân lương thực theo đầu người tăng nhanh hơn sản lượng lương thực có hạt

HẾT